

HÀNH VI PHÁP LUẬT VÀ QUAN NIỆM VỀ HÀNH ĐỘNG VÀ KHÔNG HÀNH ĐỘNG

Nguyễn Quốc Hoàn*

Đặt vấn đề

Hành vi pháp luật là một trong những phạm trù cơ bản, quan trọng và phức tạp nhất của khoa học pháp lý và đến nay vẫn chưa có sự thống nhất về quan niệm, phân loại, cấu trúc cũng như vị trí và vai trò của hành vi pháp luật. Vì vậy, việc trả lời một cách chính xác câu hỏi hành vi pháp luật là gì và nó có những dấu hiệu như thế nào sẽ có ý nghĩa quan trọng trong việc hoàn thiện những phạm trù khác của khoa học pháp lý cũng như trong thực tiễn xây dựng pháp luật và tìm kiếm các giải pháp tăng cường việc thực hiện pháp luật và đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật. Bài viết này sẽ đề cập khái niệm hành vi pháp luật và quan niệm về các hành vi pháp luật được thể hiện thành hành động và hành vi pháp luật được thể hiện bằng không hành động.

1. Hành vi pháp luật

Trong khoa học pháp lý hiện nay, còn có nhiều ý kiến khác nhau về hành vi pháp luật cũng như về các đặc trưng cơ bản của nó. Có ý kiến cho rằng: "*Hành vi pháp luật là những hành vi xã hội được các quy phạm pháp luật điều chỉnh, đặc trưng bởi sự hiện thực hóa các quyền và nghĩa vụ pháp lý của chủ thể trong thực tế*"¹ và "*Hành vi pháp luật là xử sự của chủ thể pháp luật trong những điều kiện, hoàn cảnh khách quan, cụ thể với những biểu hiện ra bên ngoài và chịu sự chi phối chủ quan của ý thức chủ thể để nhằm đạt được những mục đích nhất định và được các quy phạm pháp luật điều chỉnh (qui định)*"². Quan điểm này ở mức độ nhất định

đã đề cập đến một số dấu hiệu để xác định hành vi pháp luật như dấu hiệu pháp lý, dấu hiệu chủ thể... Hơn nữa, quan điểm này đã gắn hành vi pháp luật với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể vì thế nó có ý nghĩa rất lớn đối với việc nghiên cứu vị trí và vai trò của hành vi pháp luật trong cơ chế điều chỉnh pháp luật. Tuy nhiên, một số vấn đề được giải quyết trong quan niệm chưa rõ ràng, thậm chí chưa hoàn toàn chính xác dẫn đến những khó khăn trong việc nhận diện một cách chính xác hành vi pháp luật cụ thể. Cụ thể là: thứ nhất, quan niệm này chưa làm rõ được dấu hiệu pháp lý của hành vi pháp luật. Việc cho rằng hành vi pháp luật là hành vi được pháp luật quy định sẽ dẫn đến khó khăn trong thực tiễn để trả lời câu hỏi là pháp luật điều chỉnh (quy định) một hành vi như thế nào? Nói cách khác, dựa trên căn cứ nào để xác định là một hành vi cụ thể nào đó của con người là được pháp luật điều chỉnh hoặc quy định, hành vi đó được đề cập trong phần giả định, quy định hay chế tài của quy phạm pháp luật theo quan niệm truyền thống về quy phạm pháp luật³; hai là, quan niệm này đồng nhất hành vi pháp luật với các hành vi thực hiện pháp luật bởi việc cho rằng đặc trưng của hành vi pháp luật là *sự hiện thực hóa các quyền và nghĩa vụ pháp lý của chủ thể* nên đã dẫn đến việc loại bỏ những hành vi vi phạm pháp luật ra khỏi khái niệm hành vi pháp luật - một loại hành vi pháp luật rất dễ nhận diện trong đời sống xã hội; ba là, quan niệm này lại cho rằng hành vi pháp luật do chủ thể pháp luật thực hiện đã dẫn đến việc mở rộng phạm vi chủ thể của hành vi pháp luật và vì thế chưa làm sáng tỏ được đặc trưng về chủ thể của hành vi pháp luật và chưa phân biệt rõ được chủ thể của hành vi

* TS Luật học, Trung tâm Luật so sánh, Đại học Luật Hà Nội.

¹ Lê Minh Tiến, Hành vi pháp luật - Những vấn đề lý luận và thực tiễn. Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2003, trang 14.

² Lê Minh Tiến, Sdd, trang 18.

³ Giáo trình Lý luận về nhà nước và pháp luật, NXB Tư pháp, Hà Nội, 2006, trang 383 - 393.

pháp luật với chủ thể pháp luật.

Ý kiến khác cho rằng, hành vi pháp luật là một khái niệm được sử dụng để nói đến hai loại hành vi là hành vi hợp pháp và hành vi bất hợp pháp – đó là những hành vi do pháp luật quy định và nó đòi hỏi hai trạng thái của chủ thể là năng lực pháp luật và năng lực hành vi⁴. Đồng thời quan điểm này cũng cho rằng hành vi pháp luật phải được hiểu ở hai mức độ: "mức độ của hành vi pháp lý (tức là những dấu hiệu, những phạm vi do pháp luật quy định) và mức độ hành vi thực tế"⁵. Xét một cách khái quát, quan điểm này đã làm sáng tỏ một số dấu hiệu pháp lý của hành vi pháp luật và đã khẳng định được mối liên hệ giữa dấu hiệu pháp lý và dấu hiệu thực tế của hành vi pháp luật. Tuy nhiên, với việc cho rằng khía cạnh pháp lý của hành vi là những dấu hiệu, những phạm vi do pháp luật quy định ý kiến này lại chưa khái quát được hết tính chất pháp lý của hành vi thực tế được xem là hành vi pháp luật. Thêm vào đó, việc cho rằng chủ thể của hành vi pháp luật phải có năng lực pháp luật, quan điểm này đã mở rộng dấu hiệu chủ thể của hành vi pháp luật đến mức đồng nhất nó với chủ thể của quan hệ pháp luật cụ thể.

Trong các cuốn từ điển phổ biến ở nước ta hiện nay, các thuật ngữ về hành vi pháp luật cũng chưa được sử dụng một cách thống nhất. Đồng thời việc giải thích cũng không rõ ràng vì vậy, dẫn đến những khó khăn trong việc nhận diện về hành vi pháp luật. Trong cuốn "Từ điển Luật học" không đề cập đến thuật ngữ "hành vi pháp luật" mà chỉ đề cập đến thuật ngữ "hành vi pháp lý" theo đó, hành vi này được giải thích là: "Hành vi thực hiện một sự kiện thực tế, cụ thể theo ý chí của con người làm xuất hiện, thay đổi hoặc chấm dứt quan hệ pháp luật"⁶. Việc giải thích hành vi pháp lý theo cuốn Từ điển này đã

gắn hành vi của con người với các quan hệ pháp luật do đó không bao quát được những hành vi có ý nghĩa pháp lý nhưng không làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quan hệ pháp luật.

Trong cuốn từ điển bách khoa Việt Nam, hành vi pháp luật được giải thích là "những hành vi do pháp luật quy định, xuất phát từ pháp luật và để thi hành pháp luật. Là khái niệm bao gồm: hành vi hợp pháp luật và hành vi vi phạm pháp luật, là một trong những hình thức của hành vi xã hội. Chủ thể của hành vi pháp luật là công dân, cơ quan, tổ chức nhà nước, tổ chức xã hội"⁷. Định nghĩa này chưa phản ánh được đầy đủ những dấu hiệu cơ bản của hành vi pháp luật vì thế cũng gây khó khăn cho việc nhận diện hành vi pháp luật.

Để có được quan niệm đầy đủ về hành vi pháp luật, đòi hỏi cần phải xác định được những dấu hiệu đặc trưng cơ bản của nó. Theo chúng tôi, hành vi pháp luật có những dấu hiệu cơ bản sau đây:

Thứ nhất, hành vi pháp luật là xử sự thực tế của con người. Hành vi là xử sự của con người trong một hoàn cảnh cụ thể có thể được biểu hiện ra bên ngoài bằng lời nói, cử chỉ nhất định* (xử sự dưới dạng hành động) và cũng có thể được thể hiện bằng việc thiếu vắng những cử chỉ, lời nói hay những thao tác nhất định (xử sự dưới dạng không hành động). Pháp luật là những quy tắc được nhà nước đặt ra cho cách xử sự của con người trong những điều kiện và hoàn cảnh nhất định của đời sống xã hội vì thế khi các quy định của pháp luật chưa được thể hiện thành những xử sự cụ thể (hành động hoặc không hành động) trong một tình huống hay hoàn cảnh cụ thể nào đó được pháp luật quy định thì cũng có nghĩa là chưa thể có hành vi pháp luật. Nói cách khác, nếu một người nào đó mới chỉ nghĩ rằng mình sẽ làm thế này hay làm thế khác theo các quy định của pháp luật

⁴ Viện Nhà nước và Pháp luật, Những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, trang 265.

⁵ Viện Nhà nước và Pháp luật, Sdd, trang 264

⁶ Bộ Tư pháp, Viện Khoa học pháp lý, Từ điển Luật học, NXB Từ điển bách khoa – NXB Tư pháp, Hà Nội, 2006, trang 324.

⁷ Từ điển bách khoa Việt Nam, tập 2 (E-M), NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội – 2002, trang 218.

⁸ Đặng Thanh Nga, Từ khái niệm hành vi đến khái niệm hành vi phạm tội, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 6 (218)/2006, trang 77.

nhưng chưa được thể hiện thành những cử chỉ, lời nói hay những thao tác cụ thể thì xét ở khía cạnh pháp luật, những ý nghĩ đó không có giá trị pháp lý. Do đó, hành vi pháp luật trước hết phải là những xử sự thực tế cụ thể được thể hiện dưới những hình thức nhất định. Điều này có nghĩa là hành vi pháp luật phải ở mức độ hành vi thực tế⁹.

Thứ hai, hành vi pháp luật là những xử sự hợp pháp hoặc bất hợp pháp. Khác với các hành vi xã hội khác, một hành vi thực tế nào đó của con người chỉ được coi là hành vi pháp luật khi đó là những xử sự hợp pháp hoặc bất hợp pháp. Đây là đặc điểm thể hiện khía cạnh pháp lý của hành vi pháp luật¹⁰. Nói cách khác, không phải tất cả các hành vi hay xử sự thực tế của con người đều là hành vi pháp luật mà chỉ những xử sự thực tế của con người theo quy định của pháp luật là hành vi hợp pháp hoặc trái pháp luật thì mới có thể là hành vi pháp luật. Cách xử sự của con người trong những điều kiện và hoàn cảnh cụ thể được pháp luật dự liệu có thể là phù hợp với những yêu cầu của pháp luật (xử sự hợp pháp) và cũng có thể trái với những yêu cầu hoặc đòi hỏi của pháp luật (xử sự bất hợp pháp). Vì vậy, không nên cho rằng hành vi pháp luật chỉ là hiện thực hóa các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể¹¹ bởi vì quan niệm như vậy là đồng nhất hành vi pháp luật với hành vi hợp pháp và đã loại bỏ hành vi bất hợp pháp ra khỏi nhóm hành vi pháp luật.

Để xác định một hành vi thực tế nào đó của con người là hợp pháp hay bất hợp pháp cần phải dựa vào các quy định của pháp luật. Nói cách khác, pháp luật là tiêu chuẩn để xác định hành vi thực tế nào đó của con người là hành vi hợp pháp hoặc bất hợp pháp. Vì vậy, các quy định của pháp luật chính là cơ sở pháp lý để xác định tính chất pháp lý của hành vi thực tế của chủ thể. Các quan điểm về hành vi pháp luật hiện nay chưa luận giải được một cách xác đáng về tính chất pháp lý

của hành vi thực tế được xem là hành vi pháp luật. Có ý kiến cho rằng hành vi pháp luật là những hành vi được pháp luật quy định (điều chỉnh)¹². Quan niệm như vậy sẽ dẫn đến những khó khăn trong việc xác định hành vi cụ thể nào sẽ là hành vi pháp luật bởi vì để trả lời câu hỏi thế nào là hành vi "được pháp luật quy định" không phải là vấn đề dễ dàng. Chẳng hạn, xét về mặt kỹ thuật pháp lý, pháp luật quy định một hành vi nào đó dưới hình thức nào? Hành vi được pháp luật quy định là hành vi được ghi nhận trong phân quy định của quy phạm pháp luật (dưới hình thức xác định hành vi được làm, hành vi không được làm hay hành vi bị cấm đoán) hay sự ghi nhận về hành vi pháp luật có thể được thể hiện trong bất kỳ một bộ phận nào của quy phạm pháp luật (xác định dưới bất kỳ hình thức nào trong phân giả định, quy định hoặc là phần chế tài của quy phạm pháp luật). Ý kiến cho rằng hành vi pháp luật luôn gắn liền với các quy định của pháp luật¹³ cũng là một nhận định rất khó xác định về nội dung. Bởi vì, để trả lời câu hỏi thế nào là hành vi luôn gắn liền với các quy định của pháp luật sẽ còn phức tạp hơn cả câu trả lời cho câu hỏi hành vi được pháp luật quy định thế nào. Quan điểm cho rằng hành vi được đánh giá bởi pháp luật và chịu sự kiểm soát của pháp luật¹⁴ cũng có những hạn chế tương tự như hai quan điểm trên. Bởi vì nếu xác định hành vi được đánh giá bởi pháp luật thì sẽ dẫn đến việc xác định cả những hành vi không do pháp luật quy định vào nhóm hành vi pháp luật vì ở một chừng mực nào đó có thể xác định đó là những "hành vi không trái pháp luật". Tuy nhiên, không phải mọi "hành vi không trái pháp luật" đều là hành vi pháp luật vì có những hành vi không trái pháp luật nhưng nó không có ý nghĩa pháp lý.

Thứ ba, chủ thể của hành vi pháp luật phải có năng lực hành vi pháp luật. Năng lực hành vi pháp luật là khả năng của chủ thể bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện

⁹ Đào Trí Úc, Những vấn đề lý luận cơ bản về pháp luật, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội - 1993, trang 98.

¹⁰ Đào Trí Úc, Sdd, trang 98.

¹¹ Lê Minh Tiến, Sdd, trang 14.

¹² Lê Minh Tiến, Sdd, trang 15.

¹³ Trường ĐH Luật Hà Nội, Sdd, trang 492.

¹⁴ Lê Văn Long, Những vấn đề lý luận về quan hệ pháp luật, NXB Tư pháp, Hà Nội - 2006, trang 184.

quyền và nghĩa vụ pháp lý¹⁵. Nếu năng lực pháp luật mới chỉ là khả năng được hưởng các quyền và nghĩa vụ pháp lý thì năng lực hành vi pháp luật chính là khả năng của chủ thể được nhà nước thừa nhận để xác lập và thực hiện các quyền và nghĩa vụ đó trên thực tế¹⁶. Vì vậy, những hành vi thực hiện quyền và nghĩa vụ trên thực tế do chủ thể không có năng lực hành vi pháp luật thực hiện sẽ không thể là hành vi pháp luật bởi vì họ chưa được pháp luật thừa nhận khả năng xác lập và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Những hành vi do chủ thể không có năng lực hành vi pháp luật thực hiện trong một số trường hợp cũng được pháp luật gắn với việc làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quan hệ pháp luật nhưng không phải là hành vi pháp luật vì pháp luật không buộc các chủ thể của hành vi đó nhận thức được ý nghĩa pháp lý của các hành vi của mình. Chẳng hạn, một người tâm thần đốt nhà của người hàng xóm thì mặc dù hành vi này xét về mặt khách quan là hành vi trái pháp luật vì người đó đã hủy hoại tài sản của người khác, nhưng họ là người không có năng lực hành vi vì thế hành vi của họ không thể là hành vi pháp luật mặc dù trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp này vẫn được đặt ra theo quy định của pháp luật dân sự.

Cũng có ý kiến cho rằng, chủ thể của hành vi pháp luật phải là những người có khả năng nhận thức, xác lập, kiểm soát được hoạt động của bản thân¹⁷. Quan niệm như vậy về chủ thể của hành vi pháp luật ở một mức độ nhất định đã mở rộng phạm vi chủ thể của hành vi pháp luật và từ đó đã mở rộng hơn về phạm vi các hành vi pháp luật. Tuy nhiên, việc xác định đặc điểm của chủ thể của hành vi pháp luật như vậy không giới hạn được một cách chính xác cần thiết về chủ thể của hành vi pháp luật, vì vậy sẽ dẫn đến việc khó phân biệt được đâu là hành vi pháp luật và đâu là hành vi chỉ đóng vai trò là sự kiện pháp lý làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm

dứt quan hệ pháp luật¹⁸. Bởi vì vấn đề rất phức tạp là dựa trên cơ sở nào để xác định là chủ thể "có khả năng nhận thức, xác lập, kiểm soát được hoạt động của bản thân". Khi cần phải làm rõ hơn cơ sở của việc xác định khả năng nhận thức, xác lập, kiểm soát được hoạt động của bản thân chủ thể pháp luật phải dựa vào các quy định của pháp luật về độ tuổi và về nhận thức của con người. Do đó lại đồng nhất với việc xác định điều kiện của chủ thể của hành vi pháp luật là phải có năng lực hành vi pháp luật.

Tuy nhiên, cũng không nên thừa nhận tất cả mọi chủ thể có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình đều là chủ thể của hành vi pháp luật. Điều đó có nghĩa là hành vi pháp luật có thể được thực hiện bởi bất kỳ một người nào mà không phụ thuộc vào năng lực hành vi pháp luật của họ. Trên thực tế, có những hành vi xã hội của con người nhưng không thể được coi là hành vi pháp luật mặc dù hành vi đó được pháp luật quy định, bởi vì pháp luật không bắt buộc chủ thể của hành vi đó trong điều kiện và hoàn cảnh cụ thể buộc phải biết mình được làm gì hoặc không được làm gì hay làm như thế nào. Ví dụ, một đứa trẻ mẫu giáo không thể biết và không buộc phải biết rằng nếu nó gây thiệt hại đối với tài sản của người khác thì bố mẹ nó phải bồi thường. Vì thế, mặc dù hành vi của nó gây thiệt hại đối với tài sản của người khác nhưng không thể coi đó là hành vi pháp luật mặc dù hành vi đó có thể là căn cứ làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại của bố mẹ hoặc người giám hộ của đứa trẻ đó. Trong trường hợp này, hành vi đó đóng vai trò là sự kiện pháp lý (làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quan hệ pháp luật mà cụ thể trong ví dụ này là căn cứ để xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại của bố mẹ hoặc người giám hộ... theo quy định của pháp luật) nhưng không phải là hành vi pháp luật. Nói một cách khác, hành vi của đứa trẻ trong trường hợp này chỉ được coi là sự kiện pháp lý bởi vì hành vi này có thể làm phát sinh,

¹⁵ Trường ĐH Luật Hà Nội, Sđd, trang 445.

¹⁶ Trường ĐH Luật Hà Nội, Sđd, trang 444-445.

¹⁷ Trường ĐH Luật Hà Nội, Sđd, Trang 493.

¹⁸ Bộ Tư pháp, Viện Khoa học pháp lý, Từ điển Luật học, NXB Từ điển bách khoa – NXB Tư pháp, Hà Nội, 2006, trang 324 và trang 680.

thay đổi hoặc chấm dứt các quan hệ pháp luật. Xét ở khía cạnh tâm lý, đứa trẻ này không biết và không thể biết và pháp luật cũng không thể đòi hỏi đứa trẻ đó phải nhận thức được ý nghĩa pháp lý của hành vi của mình. Những hành vi như vậy là những hành vi mang tính chất pháp lý chứ không phải là hành vi pháp luật.

Như vậy, *hành vi pháp luật là xử sự hợp pháp hoặc bất hợp pháp của chủ thể có năng lực hành vi pháp luật.*

Quan niệm như vậy về hành vi pháp luật giúp cho chúng ta có thể nhận diện được một cách rõ ràng và đầy đủ hơn về hành vi pháp luật. Đồng thời, quan niệm này cũng khắc phục được những điểm hạn chế của các quan điểm nêu trên về hành vi pháp luật và nhờ đó nó tạo điều kiện cho việc nghiên cứu và làm sáng tỏ về hành vi pháp luật trong các khoa học pháp lý khác, nhất là các khoa học pháp lý chuyên ngành, cũng như nghiên cứu về hành vi pháp luật trong mối quan hệ với các phạm trù khác của khoa học lý luận về nhà nước và pháp luật như quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, cơ chế điều chỉnh pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý... Ở khía cạnh thực tiễn, quan niệm về hành vi pháp luật như vậy sẽ giúp cho việc tìm kiếm các giải pháp hữu hiệu cho việc đưa ra các biện pháp đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật có hiệu quả.

Hơn nữa, quan niệm về hành vi pháp luật như vậy có thể giúp cho chúng ta có thể phân biệt hành vi pháp luật với hành vi được xem là một loại sự kiện pháp lý làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quan hệ pháp luật¹⁹. Trong nhiều trường hợp, hành vi pháp luật cũng đồng thời là hành vi có thể làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quan hệ pháp luật. Tuy nhiên, có những hành vi pháp luật không làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quan hệ pháp luật. Chẳng hạn, hành vi tuân theo pháp luật²⁰ (không thực hiện hành vi mà pháp

luật cấm) trong nhiều trường hợp sẽ không làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quan hệ pháp luật. Ngược lại, có những hành vi làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quan hệ pháp luật nhưng lại không phải là hành vi pháp luật mà chúng chỉ có ý nghĩa như là một sự kiện pháp lý làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quan hệ pháp luật. Ví dụ hành vi gây thiệt hại về tài sản của người khác của đứa trẻ không có năng lực hành vi pháp luật.

2. Hành vi pháp luật được thể hiện bằng hành động và hành vi pháp luật được thể hiện bằng không hành động

Phân loại hành vi pháp luật là một vấn đề rất phức tạp. Thông thường, các nhà luật học thường phân chia hành vi pháp luật thành các hành vi hợp pháp và hành vi bất hợp pháp dựa vào mối quan hệ giữa hành vi với những đòi hỏi của pháp luật. Đây là cách phân loại phổ biến và thông dụng nhất. Ngoài ra, hành vi pháp luật có thể được phân loại theo nhóm gắn với các lĩnh vực pháp luật cụ thể như hành vi pháp luật dân sự, hành vi pháp luật hành chính... Bài viết này đề cập cách phân loại dựa vào hình thức biểu hiện khách quan của hành vi. Theo tiêu chí này các nhà luật học phân biệt hành vi pháp luật là hành động và hành vi pháp luật là không hành động. Tuy nhiên, quan niệm về hành động và không hành động chưa hoàn toàn thống nhất trong giới luật học.

Loại hành vi được thể hiện dưới hình thức hành động được đa số các học giả thừa nhận đó là dạng hành vi được thực hiện bằng những cử chỉ, lời nói, động tác của chủ thể. Hành vi pháp luật thuộc loại này dễ dàng được nhận diện trong đời sống xã hội. Ví dụ, hành vi giao kết hợp đồng, hành vi tham ô tài sản, hành vi trộm cắp tài sản...

Trong số hành vi được thể hiện dưới dạng không hành động, không hành động bất hợp pháp cũng là một loại hành vi rất dễ dàng được nhận thấy. Loại hành vi này thường là kết quả của việc chủ thể không thực hiện nghĩa vụ pháp lý phát sinh trực tiếp từ các quy phạm pháp luật, từ hợp đồng, từ đòi hỏi của

¹⁹ Trường ĐH Luật Hà Nội, Sdd, trang 460; Bộ Tư pháp, Viện Khoa học pháp lý, Từ điển Luật học, NXB Từ điển bách khoa – NXB Tư pháp, Hà Nội, 2006, trang 680.

²⁰ Giáo trình Lý luận về nhà nước và pháp luật, NXB

Tư pháp, Hà Nội, 2006, trang 468.

nghe nghiệp... Ví dụ, các hành vi không cứu giúp người khác trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, không tố giác tội phạm... chính là những hành vi thuộc loại không hành động trái pháp luật.

Đối với loại hành vi không hành động hợp pháp, hiện nay còn có những ý kiến khác nhau. Có quan điểm cho rằng không hành động hợp pháp là những trường hợp chủ thể ở một thời điểm cụ thể nào đó không thực hiện các hành vi mà pháp luật ngăn cấm. Quan niệm này xuất phát từ vấn đề lý luận về thực hiện pháp luật cho rằng, một trong những hình thức thực hiện pháp luật là tuân theo (tuân thủ) pháp luật. Đó là những trường hợp chủ thể không thực hiện hành vi mà pháp luật cấm²¹. Quan điểm phủ nhận ý kiến này cho rằng không tồn tại hành vi dạng không hành động hợp pháp. Trường hợp không thực hiện những điều mà pháp luật cấm là chủ thể tuân thủ pháp luật bằng cách không thực hiện hành động bị cấm tức là không thực hiện hành vi bất hợp pháp dưới dạng hành động chứ chưa xác lập và không có bất kỳ một hành vi nào²². Theo quan điểm này, việc quan niệm về không hành động hợp pháp có nghĩa là cùng một lúc chủ thể đang thực hiện vô số các hành vi không hành động hợp pháp khi anh ta đang không vi phạm các quy định ngăn cấm (không giết người, không cướp của, không trốn thuế...) ²³.

Để giải thích về vấn đề này, trước hết, cần phải làm rõ hơn những quan niệm liên quan đến vấn đề không hành động. Hành động xét về mặt khách quan nó bao hàm một hoặc một chuỗi những thao tác, cử chỉ, lời nói. Vì thế không hành động cũng có thể được hiểu là sự thiếu vắng một hoặc một chuỗi những thao tác cử chỉ nào đó. Do đó, khi nói đến hành vi nó có thể là một hoặc một chuỗi cử chỉ hành động hoặc sự thiếu vắng một hoặc một chuỗi những cử chỉ, thao tác nhất định. Trong Bộ luật Hình sự mẫu của Hoa Kỳ, hành vi hoặc xử sự (conduct) được giải thích là: "một hành động hoặc không

hành động và cùng với khả năng nhận thức về nó, hoặc, thậm chí là một chuỗi hành động hoặc không hành động"²⁴, trong đó, hành động là cử động của cơ thể dù là tự nguyện hay không tự nguyện và không hành động có nghĩa là không thực hiện hành động²⁵. Đa số các nhà luật học đều quan niệm không hành động là việc thiếu vắng hành động nào đó hoặc không thực hiện hành động nào đó²⁶.

Với quan niệm đó, có lẽ cần phải quan niệm không hành động từ khía cạnh cụ thể là: một người không thực hiện hành động (H) ở thời điểm (T) chỉ trong trường hợp ở thời điểm đó người đó có cơ hội để thực hiện hành động này²⁷. Trong trường hợp này, việc thiếu vắng hành động được pháp luật quy định nên được xem là không hành động. Ví dụ, người thấy người khác trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, tuy có điều kiện cứu giúp mà không cứu giúp dẫn đến chết người thì rõ ràng đây là không hành động trong điều kiện có thể hành động. Tương tự như vậy, đối với các hành vi khác như không tố giác tội phạm cũng có thể được giải thích dựa trên cơ sở này. Tuy nhiên, cũng cần phải lưu ý rằng, "không hành động" ở đây là xét ở khía cạnh quy định của pháp luật còn bản thân người thực hiện hành vi bằng không hành động này ở thời điểm đó, họ có thể thực hiện vô số các hành động khác, nhưng lại thiếu vắng hành động mà pháp luật yêu cầu. Vì thế, việc xem xét cái gọi là hành động hoặc không hành động cần phải xuất phát từ các quy định của pháp luật.

Với quan niệm như vậy, không hành động hợp pháp cũng có thể tồn tại với cách lập luận nêu trên. Điều này có nghĩa là một người sẽ được coi là không hành động hợp pháp nếu trong điều kiện và hoàn cảnh có thể thực hiện hành động trái pháp luật, họ lại không tiến hành hành vi đó. Và vì vậy, quan

²¹ Trường ĐH Luật Hà Nội, Sđd, trang 468.

²² Lê Minh Tiến, Sđd, trang 39.

²³ Lê Minh Tiến, Sđd, trang 39.

²⁴ Model Penal Code of US. Article.1.13 (5)

²⁵ Model Penal Code of US. Article.1.13 (2) và (3)

²⁶ Michael S. Moore, MORE ON ACT AND CRIME, University of Pennsylvania Law Review Vol. 142 (1994), trang. 1773

²⁷ Joseph Raz, The Concept of a Legal system - An Introduction to the Theory of Legal system., Clarendon Press - Oxford 1980, trang 51.

niệm về không hành động trong trường hợp thực hiện pháp luật dưới hình thức tuân theo pháp luật cũng rơi vào trường hợp này. Chẳng hạn, một người đi đường, khi gặp đèn đỏ họ không vượt qua. Trong trường hợp này, cần phải xem đó là không hành động hợp pháp bởi trong tình huống đó họ có thể thực hiện một hành vi bất hợp pháp. Thực hiện pháp luật dưới hình thức tuân theo pháp luật nên quan niệm theo khía cạnh này chứ không phải trong trường hợp "cùng một lúc một chủ thể đang thực hiện vô số các hành vi không hành động hợp pháp khi anh ta đang không vi phạm các quy định ngăn cấm của pháp luật (không giết người, không cướp của, không hiếp dâm)"²⁸.

Ở một trường hợp khác, nếu pháp luật đưa ra nhiều cách xử sự khác nhau để chủ thể lựa chọn mà một trong số đó là cách xử sự được xử sự theo hình thức không hành động thì hành vi được thể hiện bằng không hành động trong trường hợp này cũng sẽ được xem là không hành động hợp pháp. Ví dụ: "Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào" (Điều 70 Hiến pháp 1992). Trong trường hợp này, "không theo một tôn giáo nào" cũng có thể được xem là không hành động hợp pháp.

Hơn nữa, trong trường hợp không hành động của chủ thể mà có thể làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quan hệ pháp luật thì cũng cần phải coi đó là không hành động hợp pháp. Ví dụ, theo quy định của pháp luật về tố tụng, bản án sơ thẩm sẽ có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày tuyên án nếu không có kháng cáo hoặc kháng nghị. Trong trường hợp này, với quyền kháng cáo hoặc kháng nghị của các chủ thể trong một vụ việc cụ thể mà các chủ thể từ chối không thực hiện hành vi này thì phán quyết của tòa án sẽ có hiệu lực pháp luật. Như thế, trong trường hợp chủ thể không hành động nêu trên cũng sẽ được xem là không hành động hợp pháp.

Ở khía cạnh ngôn ngữ, cần phải lưu ý rằng, cái gọi là "hành động" hoặc "không hành động" chỉ mang tính chất tương đối. Ví

dụ, sự đối lập giữa làm việc và nghỉ ngơi, giữa làm việc và đình công trong lĩnh vực Luật lao động. Theo đó, "làm việc" hiểu theo nghĩa thông thường đó là hoạt động nhằm đạt được một kết quả nào đó²⁹; "đình công" là "cùng nhau nghỉ, không làm việc"³⁰ hoặc "là sự ngừng việc tập thể..."³¹. Trong những trường hợp này, việc giải thích một hành vi là hành động hay không hành động chỉ có ý nghĩa tương đối. Việc thiếu vắng một hành động này được mô tả bằng cách sử dụng một thuật ngữ chỉ một hành động khác chứ không hoàn toàn là việc sử dụng cách nói phủ định để nói đến sự thiếu vắng một hành động đó. Xuất phát từ quan niệm đó, trong kỹ thuật lập pháp, việc mô tả không hành động trong trường hợp này lại được thực hiện bởi việc xác định một hành động khác và điều đó cũng có thể áp dụng trong trường hợp mô tả một hành động bằng việc sử dụng phương pháp phủ định của không hành động.

Kết luận chung

Để xác định hành vi pháp luật của chủ thể cần phải xác định được ba dấu hiệu cơ bản là: xử sự của con người, hợp pháp hoặc trái pháp luật và chủ thể của hành vi phải có năng lực hành vi pháp luật. Việc xác định chính xác những hành vi nào trong xã hội được xem là hành vi pháp luật có ý nghĩa rất lớn cả về mặt lý luận và thực tiễn. Về mặt lý luận, xác định được đúng các hành vi pháp luật sẽ tạo ra cơ sở cho việc nghiên cứu các phạm trù khác của khoa học pháp lý. Về mặt thực tiễn, lý luận về hành vi pháp luật sẽ giúp cho việc tìm kiếm các giải pháp có hiệu quả trong việc đấu tranh phòng và chống vi phạm pháp luật cũng như hỗ trợ các nhà lập pháp trong việc đặt ra các quy định pháp luật một cách chính xác.

²⁸ Lê Minh Tiến, Sdd, trang 39.

²⁹ Nguyễn Như Ý (chủ biên), Đại từ điển tiếng Việt, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội - 1998, trang 967.

³⁰ Nguyễn Như Ý, Sdd, trang 640.

³¹ Trường ĐH Luật Hà Nội, Giáo trình Luật lao động Việt Nam, NXB Công an nhân dân, Hà Nội - 2004, trang 263.